

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 5 – 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phước

2. Ông Phạm Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST – HNGĐ ngày 19/5/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1996 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Trần Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Q không chịu chăm lo kinh tế gia đình và chăm sóc con cái, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm

không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn. Chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Xuân Q ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh Q có ba người con chung họ tên: Trần Nguyễn Hoài P - sinh ngày 15/5/2015, Trần Nguyễn Hải M – sinh ngày 27/11/2021 và Trần Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 29/5/2023. Hiện tại ba con đang ở với chị N, được chăm sóc và đi học đầy đủ. Còn anh Q hiện tại không có thu nhập, không có việc làm và không quan tâm, chăm sóc các con. Do vậy khi ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Xuân Q được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của anh Q

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do hay sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn vì có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Xuân Q đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước ngày 07/11/2014. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân. Cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú, xét thấy tuy không xác định được nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh Q nhưng trên thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Xuân Q có ba con chung, họ tên Trần Nguyễn Hoài P - sinh ngày 15/5/2015, Trần Nguyễn Hải M – sinh ngày 27/11/2021 và Trần Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 29/5/2023. Từ khi sống ly thân cho đến nay, ba con chung đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón đi học. Hội đồng xét xử xét thấy giao ba con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp vì hiện tại anh Q không có công việc, không có thu nhập. Đồng thời việc giao con này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P mong muốn được ở với mẹ N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Trần Xuân Q.

2. Về con chung: Giao ba con chung tên: Trần Nguyễn Hoài P - sinh ngày 15/5/2015, Trần Nguyễn Hải M – sinh ngày 27/11/2021 và Trần Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 29/5/2023 cho chị Nguyễn Thị Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P, M và Đ đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003372 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND Phường Phước Bình;
- (số 77/2014, ngày 07/11/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tịnh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

M

Phạm Văn D

Phạm Thị T

